

ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ

Công bình – Bác ái – Từ bi

Những bài GIÁO LÝ ĐẠI ĐẠO Số 9



Mừng Phật Đản

Thiên Lý Bửu Tòa

12695 Sycamore Ave, San Martin, CA 95046 – USA

Ấn hành tháng 4-2008

Trong số này:

Trang

Thánh giáo: Thích Ca Như Lai dạy cách thoát khổ	1
Thánh giáo: Cứu cánh và tác dụng của Đại Đạo	3
Những mẫu truyện về Phật Thích Ca	10
Cao Đài, “Chi Phái” hay “Truyền Thống”? (NKTT)	13
Minh chứng sự đắc quả của Đạo trưởng Huệ Lương	21
Sơ lược về Minh Lý Thánh Hội (Tam Tông Miếu)	25
Vàng trắng quê cũ (LAD)	27
Ngày tang chế (HTL)	47
Di chúc của vua Trần Nhân Tôn	48

Thiên Đạo mở ngàn đời có một,
Đừng bỏ trôi hẹn mốt hẹn mai,
Vô thường không có hẹn ngày,
Ngựa qua cửa sổ Diêu đài hết trông!

(**Văn Tuyên Khổng Thánh**, TLBT, 22-7-1977)

* * * * *

Lục đạo xoay vần không mồi hở,
Vô thường xô đến vạn duyên buông.

Khi còn tại thế, một hôm đức Phật dùng móng tay vít lên chút đất, rồi hỏi A Nan: “Đất ở móng tay ta sánh với đất của miền đại địa, cái nào nhiều hơn?”

Ngài A Nan đáp: “Bạch Thế Tôn! Đất của miền đại địa nhiều hơn đất ở móng tay vô lượng phần không thể thí dụ!”

Phật bảo: “Cũng thế, A Nan! **Chúng sanh sanh lên cõi trời, cõi người như đất ở móng tay, đọa xuống ác thú như đất của miền đại địa!**”

THÍCH CA NHƯ LAI DẠY CÁCH THOÁT KHỔ

Thi:

THÍCH lý đạo trung giữa cuộc sâu,
CA ngâm bửu kệ cứu tang dâu,
NHƯ ngôn Phật lý huyền thâm học,
LAI ngộ đài sen đặc nhiệm mầu.

Mừng chư hiền đồ.

Nhơn loại hiện thời bị ngọn sóng văn minh dôi dập đè nén cả tâm hồn, lôi cuốn vào vòng trụy lạc.

Phần nhiều Nhơn sanh cho đời là bể khổ, chớ biết đặng mục đích của đời thì vốn là trường học để cho các linh hồn học hỏi, đặng tiến cho hợp với cơ Trời. Cũng tở như cái trường học, hễ học trò siêng năng giỏi giẩn thì sẽ đậu cao, còn biếng nhác không lo thì cuối năm phải thi rớt, chớ nào tại cái nhà trường đâu. Ấy tại mình!

Còn Đạo cũng vậy. Hễ rần lo tu không gây quả ác thì được Bồng Lai hưởng nhàn. Còn biếng nhác không lo tu tâm sửa tánh thì phải chịu cảnh khổ dồn dập, phải chịu tâm bợn nhơ. Nếu người đời không suy nghĩ, cứ định ninh cho đời rằng khổ. Ấy bởi tại mình còn mang những thứ lớp vật dục, nên còn bị tối tăm mờ ám, cứ gây tạo mãi cái nghiệp quả mà không tự xét lấy mình, cứ trách rằng Trời sao quá cay nghiệt làm cho ta phải đổ lụy thương tâm.

Những cái đau khổ đó bởi chính tại con người đào tạo nơi tiền kiếp, rồi cái nghiệp quả ấy nó tạo ra cái cảnh,

tức nhiên cái hoàn cảnh ấy nó phải trả lại cho người, đó là lẽ thiên nhiên đã định.

Vậy cái đau khổ ấy, mình đã thấu đáo cái nguồn gốc, cái nguyên thủy của nó rồi, thì phải lo phương pháp nào mà giải khổ. Có một phương pháp tuyệt đối là **hằng ngày người phải giữ cho trí não yên tịnh, tư tưởng thật thanh cao, chớ cho các tư tưởng xấu xông vào kích thích mà làm cho trí não bợn nhơ.** Giữ gìn từ lời nói và cách hành động cho xứng hợp với cơ Trời, điều hòa cùng thiên lý. Dầu khi gặp cảnh ngộ tai nạn, hoặc làm cho đau đớn đến xác thịt thì cũng vui mừng vì được trả quả hiện thời và cảm ơn ơn của các vị Nam Tào Bắc Đẩu cho người được mau trả nợ (theo luật quả báo).

Tâm trí phải cho trong sạch, đừng để một tư tưởng nào xông vào mà làm ô nhiễm cái tư tưởng thanh cao của người. Mỗi lời thốt ra phải hữu ích, dễ thương và hợp với chơn lý, chớ lời nào mà không có ba điều ấy thì tốt hơn làm thính. Còn việc hành động cũng vậy, hễ làm việc chi hữu ích cho đời đúng với Thiên lý thì mới nên làm. Dầu việc làm rất hữu ích cho mình mà phải làm cho Nhơn sanh không vừa lòng thì chớ nên làm. Đó là phương pháp thoát khổ.

Mà phải hằng ngày lựa dịp giúp cho đời, bất kỳ việc nhỏ hay lớn. Dầu cực nhọc xác thân cho mấy đi nữa, cũng vui lòng thi hành liền, chớ không buồn lòng nản dạ.

(Không rõ xuất xứ)

CỨU CẢNH & TÁC DỤNG CỦA ĐẠI ĐẠO

(Hội Thánh Minh Chơn Đạo, 28-8-1969)

Ngọc Hoàng Thượng Đế kim viết¹ Cao Đài giáo Đạo Nam phương. Thầy linh hồn các con! Thầy mừng các con nam nữ.

Thi:

NGỌC quý Thầy trao rón giữ gìn,
HOÀNG Thiên yêu mến kẻ hy sinh;
THƯỢNG tôn luật pháp hành chơn Đạo,
ĐẾ vị sẵn dành trẻ trọn tin.

Giờ nay Thầy đến trần gian với các con trong Đạo tâm thương Thầy mến Đạo và vị nhơn sanh của các con.

Thầy ngự nơi lòng đạo của các con bất cứ nơi nào, không luận giàu nghèo sang hèn, thanh trực, để dìu dẫn các con trên đường giác ngộ, đem đạo cứu đời để cùng nhau trở lại hiệp nhất cùng Thầy nơi ngôi xưa vị cũ. Thầy cho phép các con đồng an tọa để nghe lời Thầy dạy bảo.

Các con ôi! Các con hãy định tâm trung, lắng dịu lòng trần để nghe lời Thầy khuyến dụ.

Các con sanh trưởng nơi cõi thế gian này, mang lấy mảnh thân tứ đại, sống tạm ở nhờ nơi cõi vô thường này, các con hãy cố gắng tu thân lập hạnh đem Đạo dạy đời để lập công bồi đức. Đừng tưởng rằng thế gian là nơi vĩnh cửu, rồi lo xây dựng những gì hữu hình vĩnh cửu mà phải bị luân hồi chuyển kiếp mãi mãi, hết lên rồi xuống, hết xuống lại

¹ Kim viết = nay gọi là

lên trong bánh xe luân muôn đời vạn kiếp, mãi mãi trong cõi đục giới này, rồi vô tình hoặc cố ý gây thêm tội lỗi, không ngày trở lại cùng Thầy, mãi để Già nầy mỗi lòng trông đợi các con yêu dấu!

Các con ôi! Nơi cõi tạm này là lò trui rèn nắn đúc các bậc nguyên căn hạ trần trở nên hàng thánh thiện, mà nơi đây cũng là lò hỏa ngục để đốt thiêu những tội lỗi trái đạo. Những gì Thầy đã dạy các con cũng như những gì Thầy cùng chư phật, tiên, thánh, thần đã tiên tri cho các con kể từ khi khai Đạo đến giờ, nó đã thể hiện lần lần với các con trong mọi biến chuyển nơi cõi đời này rồi và còn những gì chưa thể hiện rồi đây nó sẽ xảy đến với các con. Các con nhớ ghi lấy để nằm lòng và rón lo tu công lập đức để nhờ sự hộ trì của các đấng cho được tồn sinh hầu hưởng cuộc đời thánh đức trong hạnh phúc thái hòa.

Thầy đã nói với các con rằng: **chỉ có đạo đức mới được tồn sinh mà xem Thầy lập đời thượng nguơn thánh đức.** Hiện nay là trong thời kỳ các con đang chịu sự rèn luyện giữa mài để trở nên hàng thánh đức. Thầy rất hài lòng được thấy các con đã kiên tâm trì chí vượt mọi sự nguy hiểm và mọi sự cám dỗ của ma vương ác quỷ, để giữ gìn hạnh đạo đến ngày nay và sự hiện diện trong kỳ lễ trung nguơn này, dưới mái thánh đường. Thầy hài lòng cho các con và cũng không khỏi chạnh lòng thương hại cho những con đã vì quá nặng lòng trần, bị sự cám dỗ của ma vương ác quỷ, đã xa Thầy xa Đạo và lại nhơn danh Đạo để làm chuyện phi đạo đức!

Các con nên thương chúng nó, nên tội nghiệp chúng nó, nên khoan dung tha thứ hơn là giận hờn chấp nhứt chúng nó rồi bỏ chúng nó càng ngày càng đi vào hố sâu vực thẳm.

Các con hãy vì đức háo sanh của Thầy, hãy lấy hạnh từ bi của phật, lấy hạnh bác ái của chư tiên mà tìm cách an ủi vỗ về, dẫn dắt chúng nó trở lại con đường chánh chơn thiện mỹ và đạo đức.

Các con ôi! Nếu thế gian này là cõi toàn thiện thì Thầy không đến đây mở Đạo làm gì. Các con thử nghĩ: Nếu như sanh không bị thiên tai hạn hán, bão lụt chiến tranh tàn phá, hỏa hoạn thiêu đốt, thì họ đâu cần chi tới đoàn người cứu trợ ủy lạo; nếu như sanh không đau ốm bệnh tật thì họ đâu cần gì đến đoàn bác sĩ lương y; nếu như sanh học giỏi văn hay chữ tốt thì họ đâu cần gì đến đoàn giáo dục mở lớp khai trường, và nếu như sanh thuần chơn đạo đức, không đi trong hố sâu tội lỗi khổ sở tinh thần thì đâu cần đến đoàn người hướng đạo, đem giáo lý cho họ?

Các con là hàng nguyên căn, là hàng thiên sứ, đã may mắn gặp Đạo trước, giác ngộ trước, hãy thay mặt Thầy cùng hàng Tam giáo đem đạo lý và tình thương đến cho chúng nó, dắt dìu chúng nó lại con đường chánh chơn đạo đức, để họp thành một xã hội đạo đức gương mẫu hầu phổ độ lớp người đang lên, lập thành một đại xã hội đạo đức bao gồm cả tình thương, như nghĩa bảo tồn. Có như vậy mới mong khỏi cơ tận diệt.

Các con ôi! **Dầu các con là hàng giáo phẩm, Thiên phong chức sắc chức việc, dầu các con là hàng môn đồ tín hữu cũng vậy, cũng đồng có nhiệm vụ như nhau.** Chỉ khác hơn ở chỗ đưa thì giác ngộ trước, đưa lại giác ngộ sau; đưa thì tiến hóa mau, đưa thì tiến hoá chậm; đưa thì có nhiều hoàn cảnh thuận lợi hơn, đưa thì ít hoàn cảnh may mắn hơn; đưa thì tiền kiếp được nhiều duyên tu phước mà ít duyên tu huệ, đưa thì nhiều duyên tu huệ mà ít duyên tu

phước hơn. Khác nhau là chỉ khác ở phương diện hoàn cảnh và phương tiện, chớ cũng **đồng chung là con cái của Thầy, đồng chung một sứ mạng đem đạo giúp đời, đồng chung một nhiệm vụ là xây dựng một cõi thiên đường cực lạc tại thế gian** trong đó lấy tình thương đạo đức, lấy lòng bác ái tương thân tương trợ bảo tồn cho nhau.

Các con mang thể chất tại cõi hồng trần, các con cần phải có những hoàn cảnh thuận tiện an lạc, thái hòa nơi cõi này để các con an lòng hành đạo tu thân tiến hóa. Các con đừng chỉ mong vọng ở phần đắc vị phật, tiên, thần, thánh mà quên bỏn phận các con ở kiếp hiện sinh. **Hãy nương vào cõi giả này để tạo cái chơn ở cõi vô hình vĩnh cửu...**

Các con ôi! **Đạo có thiên hình vạn trạng, chung quy vẫn là đức háo sinh, an bài trưởng dưỡng và bảo tồn.** Dầu các con ở trong hình thức nào, tổ chức nào hoặc ở khối nào đi nữa, cũng **phải nhắm vào mục tiêu chánh ấy mà đi cho đến chốn.**

Các con thử suy nghĩ một thí dụ sau đây:

Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ khi hoàn thành sứ mạng của nó là mục tiêu cuối cùng đem lại xã hội loài người được thái hòa, an lạc trong tình thương đạo đức. Các mục tiêu ấy ví như mục tiêu của người kỹ sư chế tạo một máy xe hơi, cuối cùng của mục tiêu ấy là hoàn thành chiếc xe hơi do người kỹ sư trưởng phác họa.

Trong sự hoàn thành bộ máy ấy, có rất nhiều bộ phận máy móc lớn nhỏ, chi chút, chằng chịt liên đới lẫn nhau. Mỗi bộ phận ấy đều được phân công cho mỗi toán thợ khác nhau đảm nhận. Dầu toán thợ nào cũng phải làm theo quy tắc, đúng ni, đúng cỡ của vị kỹ sư trưởng chế định. Có như

vậy, đến ngày giờ cuối cùng các bộ phận ấy mới có thể ráp vào nhau đúng chỗ, đúng khớp, bộ máy mới có thể chuyển động cho người đời sử dụng được.

Còn các con trong Đại Đạo cũng vậy, dầu ở khối nào, tòa thánh, hội thánh, giáo hội, thánh thất, tịnh thất nào cũng vậy, dầu ở chi phái nào cũng vậy, như Minh Sư, Minh Lý, Minh Tân, Minh Thiện, Minh Đường, v.v..

Các con đừng e ngại chỗ khác nhau về hình thức, về danh từ, về phương pháp hành đạo. Các con hãy làm cho đúng ni, đúng cữ, đúng khuôn khổ, đúng đường hướng mà **Thầy là vị kỹ sư trưởng của bộ máy Đại Đạo** đã dạy các con từ mấy mươi năm đã cạn mực, đã mòn bút cũng vì mục tiêu chánh đó mà thôi.

Một thí dụ khác nữa là như Thầy bảo các con hãy bắc một cây cầu ngang sông qua bả ngạn, từ bến mê qua bờ giác, miễn làm sao các con bắc cho được một cây cầu chắc chắn, bền bỉ, rộng rãi, tốt đẹp, dầu các con là những kỹ sư Nhựt, kỹ sư Pháp, kỹ sư Anh, kỹ sư Lào... đi nữa, hoặc các con xây cất vật liệu nào đi nữa. Sự khác biệt về quốc tịch của những kỹ sư không thành vấn đề, sự khác biệt về vật liệu không thành vấn đề, mà vấn đề chánh là cây cầu ấy có đủ điều kiện giúp cho người đời sử dụng dễ dàng chắc chắn, tốt đẹp và bền bỉ hay không?

Đạo muốn đạt chỗ bí yếu là cái **cứu cánh và tác dụng** đó các con. **Nếu không đạt được cái cứu cánh và tác dụng đó thì dầu với danh từ nào tốt đẹp hoặc tổ chức nào tốt đẹp cách mấy đi chăng nữa cũng không ý nghĩa gì hết.** Có phải vậy không các con ?

Các con ôi! Luôn luôn lúc nào và bất cứ ở đâu cũng vậy, các con phải kiểm điểm và tâm niệm rằng **minh là người có đạo, mang một hoài bão cao cả, một lý tưởng cao cả trong sứ mạng thế Thiên hành hóa, giáo dân vì thiện, đem đạo cứu đời. Minh phải nói gì, phải nghĩ gì và phải làm gì để thực hiện cái hoài bão, lý tưởng của người sứ mạng đó.**

Thầy đã từng dạy các con: Thầy sanh trưởng bảo tồn các con. Thầy đến Việt Nam nầy mở Đạo, dạy dỗ các con, Thầy không đòi hỏi các con để làm những gì đem lại riêng tư cho Thầy; Thầy luôn luôn dạy các con phải thực hành đạo lý cho các con cái của Thầy, nghĩa là phải giác ngộ cho nhau, thương yêu dạy dỗ đùm bọc cho nhau để cùng nhau được sống trong cảnh thái hòa, cùng hưởng hạnh phúc với nhau mãi mãi, chớ không được thù hằn, ganh tị, ghen ghét, hại nhau rồi tự diệt nhau, vì các con là một trong vạn vật chúng sinh, mà vạn vật chúng sinh là bản thể của Đạo, mà bản thể của Đạo tức là bản thể của Thầy. Các con có thương nhau tức là các con đã thương Thầy. Nếu các con ghét nhau, chính là các con ghét Thầy, mà Thầy có bao giờ làm gì đến nỗi để các con ghét Thầy? Có phải vậy không các con ?

Thầy đã nói:

Thương nhau khác thể thương Thầy,

Ghét nhau khác thể ghét Thầy sao con !

Các con ôi !

Thi:

Thương nhau: tặng vật hiến dâng Thầy,

Chẳng luận loài nào khắp đó đây.
 Thương nhóm không quen nơi hướng Bắc,
 Thương đoàn lạ mặt chốn phương Tây.
 Dắt người đọa lạc về đường chánh,
 Dẫn kẻ gian tà lại nẻo ngay.
 Khôn dại ngu khờ lo tận độ,
 Thương nhau: tặng vật hiến dâng Thầy.

Thầy đến trần gian giờ này đã làm các con ngạc nhiên, rồi vui mừng và buồn tủi. Thầy dành mọi ân huệ cho các con và luôn luôn cho chư thần hộ trì các con trong việc hành đạo.

Thi:

Thương con dạy dỗ đã bao điều,
 Thương mến anh em rán dắt dìu;
 Trên vạn nẻo đời còn khốn khổ,
 Đó là thiên sứ, trẻ cứng yêu!

Ngâm:

Đã từng dạy dỗ tâm tu,
 Cho con lớn nhỏ mọi điều phải chừa.
 Tu hành con khá tâm phẳng,
 Cho thêm tăng tiến, Thầy hằng ước mơ.
 Con ơi! ngày tháng không chờ,
 Tuổi đời chồng chất hững hờ trễ đi.
 Làm người một kiếp dễ chi,
 Kiếp người là một hội thi ngàn vàng.
 Ngàn vàng quý với thế gian,
 Chớ cùng tiên phật sánh bằng nổi chi.
 Tu đi con rán tu đi,
 Cho cao phẩm hạnh, cho dày quả công.

Ban ơn con trẻ trần hồng,
 Thế gian lo đạo, Thiên cung Thầy về...

NHỮNG MẪU TRUYỆN ĐẠO

Một hôm, Đức Phật đang đi bộ ngang qua một ngôi làng, một người đàn ông trẻ tuổi thô lỗ nhìn thấy Ngài tỏ vẻ giận dữ và muốn sỉ nhục. Ông la lên: “Ông biết cái gì mà dạy người khác. Ông cũng ngu dốt như mọi người chứ có gì khác đâu. Chẳng qua ông chỉ khéo giả dối lừa gạt người ta mà thôi”.

Đức Phật vẫn thản nhiên trước những lời nhục mạ của gã đàn ông này. Ngài từ tốn hỏi lại ông ta: “**Nếu ông đem tặng một món quà cho người khác, người ta không nhận thì món quà đó thuộc về ai?**”.

Người đàn ông rất ngạc nhiên khi phải trả lời một câu hỏi kỳ lạ. Ông nói: “Tất nhiên nó sẽ thuộc về tôi. Vì đó là món quà của tôi”.

Đức Phật mỉm cười và nói: “Rất đúng đấy, ông bạn ạ. Nó cũng giống như việc giận dữ của ông khi nãy. **Nếu ông sân hận nhục mạ tôi, tôi không nhận thì những lời nhục mạ ấy thuộc về ông. Khi ấy, chính ông là người bất hạnh chứ không phải tôi. Tất cả những hành động xấu mà ông gây ra sẽ trở lại làm tổn hại lấy bản thân mình.**

Nếu ông muốn chấm dứt những bất hạnh nơi thân, ông phải từ bỏ sự sân hận và trải rộng tình thương đối với mọi người. **Khi ông thù ghét người khác, chính bản thân ông trở thành bất hạnh. Nhưng khi ông thương yêu mọi người thì hạnh phúc sẽ đến cả đôi bên**”.

Người đàn ông trẻ tuổi lắng nghe cặn kẽ những lời dạy quý báu của Đức Phật, ông nói: “Bây giờ con đã hiểu. Xin Ngài hãy dạy con cách thức thực hiện tình thương. Con xin được trở thành đệ tử của Ngài”.

Đức Phật trả lời: “Rất tốt. Ta sẽ chỉ dạy cho bất cứ ai thật sự muốn nghe”.

* * *

GUỞNG HY SINH

Thuở xưa, có một ông vua rất kiêu hãnh. Ông muốn xây một cung điện thật lớn cho mình. Một hôm, ông gọi các quan lại và nói: “Hãy đi vào những khu rừng và tìm cho ta một cây cao lớn nhất. Ta sẽ dùng cây đó xây dựng cung điện của ta”.

Các quan vâng lệnh, đi sâu vào rừng và tìm thấy một cây đúng như ý vua. Nó to lớn và đứng sừng sững giữa những thân cây khác. Đêm đó, họ trở về và thuật lại cho vua nghe: “Tâu bệ hạ, chúng tôi đã tìm ra được một thân cây cao lớn theo như ý ngài muốn. Ngày mai, chúng tôi sẽ trở lại khu rừng đó và đốn hạ nó”.

Vua nghe xong, lấy làm hài lòng và đi ngủ. Đêm hôm đó, vua mơ thấy một giấc mơ lạ. Vua mơ thấy một vị thần sống trong thân cây cao lớn đó. Vị thần ấy xuất hiện trước vua và nói: “Tâu bệ hạ, xin ngài đừng chặt đứt nơi ở của tôi. Nếu ngài hạ thân cây, thì mỗi vết cắt sẽ làm tôi đau đớn và tôi sẽ chết mất”.

Nhưng vua trả lời: “Ông là cây tốt nhất trong số tất cả các cây. Tôi cần phải dùng nó để xây cất cung điện của tôi”.

Vị thần cố thuyết phục, nhưng vua thì rất ngoan cố và nhất định sẽ chặt thân cây ấy. Cuối cùng, vị thần cây nói với vua rằng: “Thôi được, ngài cứ việc chặt nó. Thế nhưng ngài hãy chặt như sau: Xin ngài đừng chặt sát gốc như người ta vẫn thường làm. Ngài hãy sai người leo lên ngọn của cây và cắt từng khúc một. Cắt cho đến khi nào hết thân cây thì thôi.”

Vua rất lấy làm ngạc nhiên và nói: “Nếu tôi sai người làm như lời ông nói và cắt thân cây nhiều lần như vậy, nó sẽ làm cho ông đau đớn nhiều hơn là cắt chỉ một lần ở dưới gốc cây”.

Vị thần đáp: “Vâng, bệ hạ nói rất đúng. Song nếu ngài làm theo lời đề nghị của tôi thì sẽ tốt hơn cho các sinh vật trong rừng. Ngài biết đấy, cây của tôi rất cao lớn. Nếu nó đổ xuống sẽ chiếm một khoảng rộng, những cây nhỏ hơn sẽ bị đè bẹp và sẽ giết chết những súc vật nhỏ. Những con chim và thú sẽ mất chỗ ở của chúng và nhiều cây nhỏ sẽ bị tàn phá. Nhưng nếu ngài cắt từng đoạn một, nó sẽ không làm tổn hại nhiều loài vật khác”.

Ngay lúc ấy, vua giật mình tỉnh giấc. Vua nghĩ: “Vị thần này sẵn sàng chịu đau đớn cắt làm nhiều khúc để cho những súc vật bé nhỏ trong rừng không bị khổ đau. Ôi, thật là dũng cảm và tử tế làm sao! Và thật là ích kỷ làm sao, khi ta lại muốn hạ thân cây ấy để thỏa mãn dục vọng và sự kiêu hãnh của ta! Thay vì cắt hạ nó, bây giờ ta sẽ tôn vinh nó. Giấc mơ này đã dạy ta phải biết thương yêu và tử tế đối với mọi người”.

... Từ đó về sau, vua trở thành một vị vua nhân từ được nhân dân hết sức thương yêu.

(Kể theo “**Lược truyện Đức Phật Thích Ca**”, dịch giả **Thích Chân Tính**, nguyên tác “The Story of Buddha” của Jonathan Landaw.)

CAO ĐÀI, “CHI PHÁI” hay “TRUYỀN THỐNG”?

Tuy tôi không theo đạo Cao Đài mà đã có một vài sinh viên sau giờ giảng hỏi “Có phải thầy người đạo Cao Đài?”, có lẽ vì họ thấy tôi đã giảng một cách “dấn thân” quá. Cũng có nhiều người bạn hỏi “Chắc anh người Cao Đài?”, rồi ca tụng đạo Cao Đài với một trong những nét đẹp là hòa đồng tôn giáo, làm như tôi là một tín hữu thuần thành và người nói câu trên nhìn tôi tưởng tôi là người đại diện cho Đạo! Người trong Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ (ĐĐTKPD) thì hỏi “Chắc bạn là người phái Tiên thiên?” như một sử gia Cao Đài và tác giả nhiều sách Cao Đài có giá trị hỏi tôi thuở mới quen nhau và liệt tôi vào “khuyh hưởng dung hòa” ở Đức! Trực tiếp hay qua thư từ, điện thoại tôi còn được gặp nhiều vị tín hữu hay chức sắc Cao Đài khác tại hải ngoại (cũng như ngày xưa trong nước). Ai cũng vui vẻ, ai cũng sẵn sàng giúp tôi tìm hiểu về Đạo. Nhưng nếu nói về một người nào sinh hoạt đạo tích cực một chút khi tôi vô tình nhắc đến tên hay khi muốn tìm hiểu cố ý hỏi về vị đó thì sẽ nhận được một lời “báo động”: “Bà ấy Chiêu Minh”, “Ông ấy Tây Ninh” hay “Thánh giáo ở đó cũng không có gì cao siêu” cả! Hoặc nghe một lời phát biểu dè dặt: “Anh đang nghiên cứu Cao Đài, chắc với thời gian sẽ hiểu”, hay vui đùa khi tôi bị “khảo đảo” vì một vị ẩn danh thử tôi: “Ấy, anh gặp “tổ sư” (Cao Đài) rồi đó!”

Lúc đầu tôi ghi nhận vô tư điều này, nhưng nghe riết rồi dần dần tự nhiên cảm thấy mang máng buồn, dù mình chỉ là người đi tìm hiểu chứ đâu có phải người Cao Đài! Buồn vì hình như các vị tuy đồng đạo Cao Đài với nhau nhưng còn một chút gì đố kỵ, e dè, mặc dù Đức Chí Tôn Thượng Đế (của Đạo) từng dạy:

*Đâu cũng gọi TAM KỲ PHỔ ĐỘ,
Đâu cũng THẦY, danh ngã CAO ĐÀI,
Đâu cho đây dở, đó hay,
Đỡ nương mới phải, đừng bài bác nhau. (1)*

Nhưng phải chăng đó cũng là tình trạng chung của nhiều đạo khác, không riêng gì Cao Đài?

*Kìa là tôn giáo tranh phân,
Bởi người thiếu lẽ tình thân đại đồng. (2)*

Cũng vì thiếu lòng bao dung nên Thiên chúa giáo, Hồi giáo mới chia năm xẻ bảy, Phật giáo cũng có nhiều trường phái...

Còn ở Cao Đài, chính các tín đồ cũng được Đức Cao Đài Thượng Đế hỏi khi trong nội bộ thiếu lòng hiểu biết khoan dung với nhau:

*Con hỏi con! Đau lòng chẳng tá?
Con hỏi con! Xót dạ hay không? (3)*

Như đã kể, chính tôi không là người bôn đạo nhưng nhiều khi cũng thấy “đau lòng xót dạ” khi thấy các “chi phái” không hòa với nhau, khi đọc trong sách báo thấy người ta gọi Cao Đài là “giáo phái” (có lẽ nguyên nhân nằm ở sự tham gia tích cực về chính trị và quân sự của Cao Đài Tây Ninh trong hoàn cảnh chung của đất nước thời đó

khoảng 1954-55). Một tôn giáo như Cao Đài mà bị đặt ngang hàng với “giáo phái Bình Xuyên” thống trị thế giới từ đổ tường trụ lạc thời tổng thống Ngô Đình Diệm thì chắc ai cũng đồng ý là “oan nghiệt” cho đạo, khó lòng chấp nhận.

Người ngoài gọi đạo Cao Đài là “giáo phái”, trong đạo thì gọi nhau theo “phái” kèm theo những nhận định chủ quan của chi phái mình về “chi phái” khác. Chính Cao Đài Thượng Đế cũng phải nói:

*Thầy thấy con còn rẽ chia nhau,
Như vậy Thầy rất lòng đau, (4)*

Cho đến đây ta nhận thấy rằng chính Đức Cao Đài Thượng Đế vẫn chưa dùng hai chữ CHI và PHÁI trong nhiều bài thánh giáo nói với tín đồ:

*Thầy nhắc lại thời kỳ khai Đạo,
Buổi đầu tiên Thầy tạo Chiếu Minh,
Rời lần sang đến Tây Ninh, (5)*

Trong những câu thơ trên người đọc chỉ thấy tên “Chiếu Minh” và “Tây Ninh” không thôi chứ không thấy có một tiếng nào khác được đặt lên trước mấy tên đó.

Nhưng rồi đến câu thứ 22 của bài cơ kệ trên Cao Đài Thượng Đế mới nói tiếp:

Mười hai CHI Thầy tạo đủ rồi, (6)

Lần đầu tiên ta thấy chữ CHI được dùng ở đây. CHI nghĩa là cành, là nhánh. Thượng Đế tạo ra một cây rồi sau đó cây sinh xoi thêm nhiều nhánh, nhiều cành. Đó là một trình tự rất tự nhiên với một hình ảnh đẹp: **một cây xanh tốt với nhiều cành lá xum xuê.**

Trong bài thánh giáo “Kỷ niệm Huỳnh Đạo Thiên Khai năm thứ 10” (tức Thiên Lý Bửu Tòa) vào ngày 15 tháng 5 năm 1986 Đức Cao Đài Thượng Đế cũng dùng chữ CHI trong đoạn:

“Nay là ngày kỷ niệm Khai Minh an lập mối Đệ Nhị Đạo Huỳnh, thể hiện chi Phật tông chánh giáo để cho cơ nghi Đại Đạo thành lạc đủ Ngũ Chi.” (7)

Như thế chữ CHI ở đây gợi lên một nghĩa đẹp, mang vẻ hài hòa.

Sau đó Cao Đài Thượng Đế dùng chữ PHÁI:

*Mười hai phái do đâu mà có?
Gốc Cao Đài tách ngõ phân ra,
Cũng như Thầy tạo cái nhà,
Có mười hai cửa vào ra tự lòng. (8)*

PHÁI ở đây có nghĩa phân chia nhưng trong một chương trình quy hoạch tổng thể. Cũng như kiến trúc sư vẽ kiểu cái nhà có 12 cửa, mỗi cửa ra vào theo nhu cầu hợp lý cho mọi người ở trong nhà. Tương tự như chữ PHÁI trong PHÁI Ngọc, PHÁI Thái, PHÁI Thượng nói lên sự phân chia nhiệm vụ cho cùng một mục đích cao đẹp.

Chữ PHÁI cho đến lúc này vẫn chưa có nghĩa xấu.

Tóm lại, cả hai chữ CHI và chữ PHÁI nếu dùng riêng biệt như Đức Cao Đài Thượng Đế đã dùng bên trên đều không bao hàm nghĩa xấu.

Trong bài thánh giáo “Cơ quan Phổ thông Giáo lý không phải là một chi phái” thì Thượng Đế đã hiểu thế nào về hai chữ CHI-PHÁI viết liền nhau như một danh từ kép?

“*Các con cần ghi nhớ điều này: CƠ QUAN PHỔ THÔNG GIÁO LÝ (CQPTGL) không phải là một chi phái, cũng không phải của một cá nhân nào hay một đoàn thể nào, mà phải là của toàn Đạo, một nhịp cầu nối liền tình huynh đệ, một điện đài thu và phát những động năng thúc đẩy cho sự thống nhất Giáo lý, tức là tinh thần vậy, để các con sẽ gặp nhau, quy nguyên ở vị trí duy nhất, tri và hành theo chánh pháp của Đại Đạo.*” (9)

Ở đây Đức Cao Đài Thượng Đế đã dùng hai chữ CHI PHÁI ghép vào nhau để thành “chi phái” hiểu theo nghĩa không đẹp, nghĩa là chia rẽ giữa những cá nhân theo Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ hay giữa những đoàn thể Cao Đài theo đuổi lợi ích riêng tư. Do đó Cao Đài Thượng Đế đã cho CQPTGL thành hình như một nhịp cầu nối hai bờ cách biệt để đưa khách lữ hành về “*quy nguyên ở một vị trí duy nhất*”, để giúp họ tiếp thu kiến thức và thực hành những hiểu biết theo ánh đuốc soi đường là chánh pháp. CQPTGL giúp các “nguyên nhân”, các tín đồ ĐĐTKPD:

*Gặp gỡ nhau trên đường Giáo lý,
Nhìn với nhau tôn chỉ Cao Đài;
Không còn chia biệt Đông Tây,
Không còn phái nọ, chi này, Phật, Tiên.* (10)

Hiển nhiên Cao Đài Thượng Đế đã dùng hai chữ chi-phái như một tiếng kếp hàm ẩn sự chia rẽ.

Tạm kết: chữ “chi-phái” được dùng trong bài cơ trên – cũng như nói chung hiện nay thường được dùng – mang nghĩa không đẹp.

Trong sách vở, báo chí, nhất là báo chí Tây phương cho đến bây giờ người ta vẫn còn dùng chữ GIÁO PHÁI, CHI-

PHÁI (secte/sect) để chỉ ĐĐTKPD. Chính nội bộ Cao Đài có lẽ cũng mang mặc cảm “chi phái” nên nhận thấy cần phải thống nhất và đã có **những cố gắng thống nhất tuyệt vọng** trong lịch sử Đạo.

Tác giả xin nói rất dè dặt, nếu có sai lầm xin quý vị trong Đạo hỷ xả cho và sửa chữa, bổ khuyết giùm: Người Cao Đài tại hải ngoại hiện nay vẫn còn mang tâm lý này và vẫn đang cố gắng hợp nhất. CAO ĐÀI GIÁO HẢI NGOẠI (hiện còn tồn tại, nhưng việc làm không còn nhiều tính chủ động), CƠ QUAN TRUYỀN GIÁO CAO ĐÀI HẢI NGOẠI (đã giải thể) là thí dụ về phương diện tổ chức, THIÊN LÝ BỬU TÒA (đã tả vụn vụn một vài bộ kinh mới có hệ thống và thành công nhiều về phương diện ấn tống kinh sách) là thí dụ về phương diện hòa hợp tinh thần. Đó là những cố gắng đáng trọng. Nhưng chắc thống nhất theo mô hình tổ chức, hành chánh và tâm lý chắc còn khó khăn. Thống nhất về phương diện giáo lý, tôn giáo chắc dễ dàng hơn vì “Thánh ngôn hiệp tuyển”, “Đại thừa chơn giáo”, các thánh giáo và các bài cơ bút với nhiều thiên điển còn đó, chỉ cần dựa vào đó mà tu tập, sống đạo với hết CHÂN TÌNH. Đức Cao Đài Thượng Đế đã không nhắc nhở thật rõ ràng từ lâu hay sao?

*Thầy không mượn lâu dài, chùa thất,
Mượn lòng con chơn thật mà thôi;* (11)

Với tấm lòng này tôi tin tưởng rằng mỗi tín đồ Cao Đài – ở bất cứ vị trí nào – sẽ trở về nội tâm, bỏ những ty hiềm trần thế, nghĩ đến nghĩa vụ chung, tu tập tinh cần để đạt đạo trên cả hai con đường Nội giáo tâm truyền và Ngoại giáo công truyền, sớm rời quả địa cầu 68 này để nhập vào với Đại Linh Quang, quy hồi cội vị.

LỜI ĐỀ NGHỊ CUỐI:

Sau khi vấn tắt nhắc tới để thử tìm hiểu lại các chữ CHI, PHÁI đứng từng chữ riêng rẽ, các chữ CHI-PHÁI viết liền nhau (và nhân đó chữ GIÁO PHÁI), xin được đề nghị: từ nay các tín hữu Cao Đài nên giải thích để không ai sẽ gọi Cao Đài là GIÁO PHÁI nữa. Trong nội bộ, tín đồ Cao Đài cũng không tự cho mình thuộc một CHI PHÁI nào, mà thay vào đó chỉ cùng là người Cao Đài và ta thử dùng chữ:

TRUYỀN THỐNG

“Hiền muội là Cao Đài truyền thống Tây Ninh”, “Hiền huynh tu theo truyền thống Chiếu Minh”, “Hiền tử học với truyền thống Tiên Thiên”, “Tiểu đệ sinh hoạt ở truyền thống Thiên Lý Bửu Tòa”, v.v...

TRUYỀN THỐNG mang nhiều ý đẹp. Ít ai nghe nói đến truyền thống xấu.

Riêng tôi cho đến bây giờ trên các báo tôi chủ trương, hay khi giảng dạy tôi cũng đã dùng và sẽ dùng chữ TRUYỀN THỐNG để chỉ các khuynh hướng Cao Đài khác nhau. Là người Việt Nam ai cũng hãnh diện về truyền thống Việt Nam, là các tín đồ Cao Đài chắc ai cũng hãnh diện về những truyền thống của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

Xin được góp một ý nhỏ như trên, có lẽ cũng không mới mẻ gì lắm. Mong sao ở bất cứ đâu, các thân hữu Cao Đài của tôi luôn luôn sống được những ngày đoàn viên êm đẹp trong mọi trung tâm sinh hoạt (thánh thất, thánh tịnh, chùa thất...) và luôn luôn tìm về Minh triết, đạt được Minh triết để sống đúng với Truyền thống Cao Đài tốt đẹp của mình.

NGUYỄN-KHẮC TIẾN-TÙNG

(Tác giả giảng dạy về Khoa học Tôn giáo và Lịch sử tôn giáo tại Đại học Leipzig, CHLB Đức, trong đó có các tôn giáo mới, xuất hiện ở miền Nam Việt Nam đầu thế kỷ XX là Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ và Phật giáo Hòa Hảo. Bài trên là bản thảo của một phát biểu ngắn cho một buổi hội họp của ĐDTKPD.)

Chú thích:

- (1) Mười hai phái đạo Cao Đài, Tòa thánh Châu Minh, ngày 10 tháng 1 năm Đại Đạo thứ 32 Đinh Dậu 1957, trích trong Huấn từ Đức Chí Tôn Ngọc Hoàng Thượng Đế, Thiên Lý Bửu Tòa xuất bản năm 2004 tại Hoa Kỳ, trang 3.
- (2) Tình Tào hóa bao trùm vạn vật, Nam Thành thánh thất, Tuất thời, mùng 1 tháng Giêng Ất Ty, 2-2-1965, Huấn từ Đức Chí Tôn Ngọc Hoàng Thượng Đế, sách đã dẫn, trang 7-8.
- (3) Tình Tào hóa bao trùm vạn vật, sách đã dẫn, trang 8.
- (4) Mười hai phái đạo Cao Đài, sách đã dẫn, trang 3.
- (5) Mười hai phái đạo Cao Đài, sách đã dẫn, trang 3.
- (6) Mười hai phái đạo Cao Đài, sách đã dẫn, trang 3.
- (7) Kỷ niệm Huỳnh Đạo Thiên Khai năm thứ mười, Thiên Lý Bửu Tòa, USA, 15-5-1986, sách đã dẫn, trang 126.
- (8) Mười hai phái đạo Cao Đài, sách đã dẫn, trang 4.
- (9) CQPTGL không phải là một chi phái, Thiên lý đàn, Tuất thời, 14 tháng giêng Ất Ty, 15-2-1965, sách đã dẫn, trang 11.

(10) CQPTGL không phải là một chi phái, sách đã dẫn, trang 12.

(11) Tình Tạo hóa bao trùm vạn vật, sách đã dẫn, trang 8.

MINH CHỨNG SỰ ĐẮC QUẢ CỦA ĐẠO TRƯỞNG HUỆ LƯƠNG

Minh Lý Thánh Hội, ngày 7-6 Tân Dậu (8-7-1981)

Thi:

BÁC NHÃ là tâm của đất trời,
THIÊN SỬ kiến ngộ tại tâm người.
TAM TÔNG vạn giáo truyền tâm ấy,
PHÁP CHỦ đem ra cứu độ đời.

Bần tăng chào chư hiền hữu Thiên ân, chào chư đạo tâm nam nữ.

Giờ này, Bần tăng thọ lệnh báo đàn, chư Thiên ân nghiêm chỉnh thanh tịnh để chờ tiếp giá Chí Tôn. Bần tăng cũng như dịp được dự chào mừng hiền hữu Huệ Lương được đăng phong phẩm vị **QUẢNG ĐỨC CHƠN TIÊN**. Thật là một sự hồng ân vô lượng của **CHÍ TÔN** gia ban thêm quyền pháp để cho người có đủ sức vận chuyển cơ linh, hoàn thành những công vụ còn đang lở dở, để kết liễu chương trình hầu trợ thêm tinh thần ý chí những Thiên ân phận sự nơi Hội Thánh Truyền Giáo và Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý.

QUẢNG ĐỨC CHƠN TIÊN là một Thiên vị cao cả của hàng Thiên ân. Bần tăng tạm giải sơ cho chư hiền hữu được thông đạt Thánh ý, rõ được trí thức, đạo đức và tài

năng của Người, tuy chưa được viên túc cả ba, nhưng Chí Tôn muốn phó chúc cho Người để tấn tới hoàn mỹ đúng như trong Dịch lý, hệ từ thượng truyện ở chương 6 là:

Quảng đại phối thiên địa, biến thông phối tứ thời, âm dương chi nghĩa, phối nhật nguyệt, giản dị chi thiện phối chi đức.²

Vậy là "**QUẢNG ĐỨC**" gồm bốn câu rất tinh yếu.

Thôi chư hiền nghiêm chỉnh thay tửu trà để đón tiếp Thánh giá Chí Tôn.

(SẮC DỤ ĐĂNG VỊ CHO ĐẠO TRƯỞNG HUỆ LƯƠNG)

(Tiếp diễn:)

Thầy các con ! Thầy mừng các con.

THI:

NGỌC quý thường như giữ bọc thân
HOÀNG Thiên ban mới được tiên thân
THƯỢNG căn, thượng đức nhờ nơi đó
ĐẾ Đạo hoàng dương cứu thế nhân.

Hôm nay Thầy đến trao Sắc dụ đăng vị của Trần Văn Quế và cũng ban ơn cho các con tại Minh Lý Thánh Hội, Hội Thánh Truyền Giáo, và Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý

² [Nguyễn Hiến Lê dịch: Đạo dịch vì rộng lớn nên phối hợp với trời đất, vì biến thông nên phối hợp với bốn mùa, vì lẽ âm dương nên phối hợp với mặt trời mặt trăng, vì nó có cái hay là giản và dị, cho nên phối hợp với cái đức tối cao.]

được thêm nhiều ân huệ, cùng nhau hoàn tất sứ mạng của nơi chính mình để được đón nhận phần thưởng nơi Thầy.

Trần Văn Quế là một nguyên căn xin Thầy nguyện xuống thánh địa Việt Nam lập công hành đạo, phò trì chánh pháp. Trải qua thời gian 54 năm qua, một lòng chung thủy với đạo, kham nhiệm quyền pháp từ dưới lên trên, làm tròn bổn phận Lễ sanh, rồi nhờ công hạnh siêng cần, Thầy ban cho Giáo hữu, thăng phong nhiệm Giáo sư công dày chí lớn nên nhận vào hàng sứ mạng thọ phong Phối sư đến Ngọc Chánh phối sư kiêm Chủ trưởng Truyền Giáo, Tổng lý Minh đạo Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý. Thầy xét công lao đức hạnh, ngày một tháng sáu Tân Dậu, tại Thiên đình được bái mạng thọ phong.

Sắc dụ:

ĐẠI ĐẠO TAM KỶ PHỔ ĐỘ

Tam Giáo Quy Nguyên, Ngũ Chi Phục Nhứt.

Năm Đạo thứ: 56 Tiết Quý Hạ

Ngọc Hoàng Thượng Đế viết Cao Đài sắc lệnh.

Nghĩ vì trước ngày khai Đạo, các hàng đẳng nguyên căn xin Thầy nguyện xuống trần gian lập công hành đạo, thực thi cơ tái tạo, sứ mạng quy nguyên phục nhứt của buổi Tam Kỳ. Thầy vì thương nhân loại trần mê, mới nầy trao quyền pháp cho các hàng đẳng thiên phong để đủ sức kềm chế nhơn sinh, bảo trì cơ đạo, hoằng dương chánh pháp.

Song đám con ấy, vì kém đức thiếu tu mà lầm kế chước tà quyền, nên đạo chia bầy tẻ ba, tinh thần bên trong rạn nứt. Không lẽ ngồi nhìn đám con nghịch lẫn nhau, Thầy thiết lập “Long Vân Đại Hội” chuyển cơ quy nhứt để hàn gắn tình thương sự sống và quyền pháp tôn chỉ đạo Thầy.

Công hạnh ấy, tâm đức ấy, **Huệ Lương Trần Văn Quế** đã hy sinh đóng góp thật nhiệt thành, bôn ba khắp nước, **thiết tha với sự HÒA HIỆP. Chí hướng ấy trọn đời ôm ấp để thực hiện hai chữ Dung Hòa. Mặc dầu chưa thành công nhưng ý chí đã thành.**

Thầy phong:

QUẢNG ĐỨC CHƠN TIÊN, gia ân quyền pháp trở lại Hội Thánh Truyền Giáo, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, giữ nguyên vị, vận dụng thần lực điều hành quyền pháp đến khi hai nơi ấy có người đủ tài đức.

Các con Thiên ân và toàn Đạo y lệnh thi hành...

Thầy.

Thăng.

HUỆ LƯƠNG TRẦN VĂN QUẾ (1902-1980)



SƠ LƯỢC VỀ MINH LÝ THÁNH HỘI

(TAM TÔNG MIẾU)

Đầu thập niên 20, ở Sài Gòn có một số cư sĩ tu học theo huyền cơ đạo Lão theo chỉ dẫn của một nhà sư người Hoa tại Phước an Hội quán (trên đường Hùng Vương, quận 5 ngày nay), về sau chuyển sang dùng đại ngọc cơ cho thuận tiện, dễ dàng hơn.

Các vị ấy khai sáng một phái tu gọi là Minh lý đạo, chính thức thành lập vào giờ Tý (23.00) ngày Bính tý, tháng Bính tý, năm Giáp tý (27.11 âm lịch, nhằm thứ Ba 23.12.1924). Lúc đầu không có chùa riêng, khi cần hội họp, họ mượn chùa Linh sơn (nay ở đường Cô Giang, Cầu Muối.)

a. **CƠ SỞ:** Minh lý đạo lập chùa ở khu Bàn Cờ, tên là Tam tông miếu (1926), trùng tu Tân ty 1941 và Đình dậu 1957, nay ở số 82 Cao Thắng, quận 3. Còn có Bát nhã Thiền đường ở Long Hải, và nghĩa địa Minh lý ở Phú Lâm.

b. **THỜ PHỤNG:** Chùa thờ Tam cực (Vô cực, Thái cực, Hoàng cực tức là Phật mẫu Diêu trì, Ngọc hoàng Thượng đế, Hồng quân Lão tổ). Cũng thờ Tam giáo Tổ sư (Thích ca, Lão tử, Khổng tử), bốn vị bồ tát (Quan âm, Văn thù, Phổ hiền, Địa tạng), năm vị tinh quân và một số vị khác nữa.

c. **TÁM PHẨM TU** phái nam (tương ứng bát chánh đạo): (1) tín đồ: hưởng tịnh sư [tương ứng chánh kiến]; (2) môn sanh: chí tịnh sư [chánh tư duy]; (3) môn sanh: tâm tịnh sư [chánh ngữ]; (4) môn sanh: thanh tịnh sư [chánh nghiệp]; (5) giáo sư: khiết tịnh sư [chánh mạng]; (6) giáo

sư: vĩnh tịnh sư [chánh tinh tấn]; (7) giáo sư: siêu tịnh sư [chánh niệm]; (8) tổ sư: giác tịnh sư [chánh định].

Tám phẩm của phái nữ tên cũng như vậy, nhưng thay chữ sư bằng cô. Từ khi thành lập Minh lý đạo, chưa có ai lên được phẩm tổ sư (giác tịnh sư).

d. **ĐẠO PHỤC:** Áo dài đen, khăn đóng đen, nam quần trắng, nữ quần đen.

e. **ĐẠO HIỆU:** Pháp danh của môn đệ qua mỗi đời lần lượt được ghép với một trong các chữ Minh, Khai, Tường, Đại, Đạo. Hiện nay đã sang đời thứ tư (Đại).

f. **NHÂN VẬT:** Trụ trì đầu tiên là ông Âu Kiệt Lâm (1896-1941), pháp danh Minh Chánh, cũng gọi Âu Minh Chánh. Đệ tử đời thứ nhất là Minh Truyền có công làm lịch Tam tông miếu, bày cách coi ngày giờ lành để xây dựng, cưới hỏi, tang ma... Lịch nổi tiếng khắp Nam kỳ Lục tỉnh cho mãi tới những năm 60, 70.

Kế tục Minh Chánh là Minh Thiện (1897-1972), cũng gọi Định Pháp, bút danh Nguyễn Minh Thiện, phẩm siêu tịnh sư, quả vị Bát nhã Thiền sư. Ông họ Tôn, nhưng khai sinh ghi tên là Nguyễn Văn Miết, cũng gọi Huyện Miết, vì làm công chức tới hàm huyện, sau thăng lên phủ. Giỏi tiếng Pháp, thông chữ Hán, nên ngoài việc trừ tác ông còn có công dịch nhiều kinh sách đạo Lão dạy về tu đơn (thiền), bản thảo chưa xuất bản hết.

Dũ Lan Lê Anh Dũng

(Trích “Niên biểu Huệ Lương Trần Văn Quê”

– Phần Chú thích số 1)

VÀNG TRĂNG QUÊ CŨ

Cử đầu vọng minh nguyệt,

Đê đầu tư cố hương.

(Ngẩng đầu nhìn trăng sáng,

Cúi đầu nhớ quê nhà.)

(LÝ BẠCH)

Anthony de Mello (1932-1987) là một giáo sĩ dòng Tên. Khi viết quyển *Comme un chant d'oiseau* (Như tiếng chim hót), vị giáo sĩ Gia Tô người Ấn Độ này đã có hứng thú kể lại câu chuyện sau đây:

Hofetz Chaim là một rabbi (giáo sĩ) Do Thái giáo nổi tiếng ở thế kỷ 19. Một du khách Mỹ đến gặp Hofetz thấy trong phòng rabbi ngoài sách ra chỉ có một chiếc ghế và một cái bàn. Ngạc nhiên, du khách hỏi: Tài sản của Ngài để đâu? Rabbi hỏi ngược lại: Thế thì tài sản của ông để đâu? Du khách đáp: Tôi chỉ là một du khách ghé qua đây thôi, tài sản tôi để ở nhà! Rabbi cười: À, tôi cũng thế.

Như vậy, Hofetz Chaim đã xác định ông chỉ là người khách tạm ghé cõi trần gian này.

Trần gian là cõi tạm

Quan niệm trần gian là cõi tạm dừng chân mà con người là khách tạm trú từ lâu đã rất quen thuộc với người đạo Cao Đài. Năm 1926, hồi mới mở Đạo, tại chùa Gò Kén (làng Long Thành, tỉnh Tây Ninh), đức Chí tôn đã dùng từ khách trần để gọi con người sống giữa trần gian.

Người là khách trần thì thế gian chỉ là quán trọ, đời người dù ngắn hay dài cũng chỉ là một chuyến lữ hành hữu hạn của kẻ xa quê trên đất khách.

Trong nội ô Tòa thánh Cao Đài Tây Ninh có một nơi quán người chết gọi là khách đình. Khách tức là khách trần. Đình là cái trạm nghỉ chân cho kẻ viễn hành. Ý ở đây đã rõ: Khách đình là trạm dừng chân của khách trần sau một chặng đường ngược xuôi cõi thế.

Vì trần gian không phải là nhà, trần gian chỉ là cõi tạm dừng chân, cho nên sống ở trần gian chỉ là ăn nhờ ở đậu, là sống gởi nơi đất khách. Đức Mẹ dạy: *“Con ôi! Kiếp sống thừa chỉ là nơi sanh ký tử quy. Đời con chỉ là một cuộc du hành ngắn ngủi trong kiếp chuyển luân.”* [1]

Quan niệm sống gởi này từ xưa đã rất quen thuộc với người Việt Nam, phản ánh qua thành ngữ sinh ký tử quy, tức là sống gởi thác về. Thế kỷ 18, nữ sĩ Hồ Xuân Hương khi khóc chồng có thơ rằng: *Sinh ký chàng ơi, tử tắc quy!*

Mặc dù sinh ký tử quy là câu nói của miệng trong dân gian trải qua nhiều đời nhưng không phải ai ai cũng hiểu thấu đáo tận cùng nghĩa lý của nó.

Chết thì về đâu?

Đầu năm 1967, đức Tiên bối Cao Triều Trực hỏi: *“Lời rằng sinh ký tử quy, dương gian sống ở thác về. Mà về đâu mới được chớ?”* [2] Thế rồi, cuối năm 1970, đức Giáo tông Đại đạo Thái Bạch Kim tinh cũng hỏi:

Có câu sanh ký tử quy,

Sống thì tạm gởi thác về, về đâu? [3]

Giữa năm 1966, nhà giáo Trịnh Vân Thanh ở Sài Gòn xuất bản bộ *Thành ngữ điển tích danh nhân từ điển* (hai quyển, gần 1.500 trang). Sách chép lại một cách hiểu thông thường của người đời như sau: “SANH KÝ TỬ QUY. –

Sống gửi thác về. Lời nói khoáng đạt của người yếm thế, cho rằng cõi đời này là nơi gửi tạm tấm thân, đến lúc chết trả thân xác về cho cát bụi mới thật là nơi hằng sống vĩnh cửu của con người. Chính nơi đó con người được yên nghỉ đời đời, không bận tâm phiền lụy.” (tr. 1138)

Hiểu như vậy đã đúng chưa? Có thực rằng khi chết con người trở về với cát bụi, sẽ thanh thản yên nghỉ vĩnh hằng dưới ba thước đất, vì cát bụi đúng là chỗ trở về của con người?

Nếu ai cũng hiểu chết là về với cát bụi thì đường trở về sao mà buồn quá vậy! Không lẽ một sinh vật khôn ngoan, đứng đầu muôn loài vạn vật trần gian như con người, vùi vẩy dọc ngang suốt đời để rồi rốt cuộc chỉ còn trở về với cát bụi ư? Sao mà chán quá vậy!

May thay, “chết là trở về với cát bụi” chỉ là cách hiểu chưa đúng của một phần người đời chứ không phải tất cả thế gian đều hiểu như vậy!

Năm 1970 ông Lê Văn Đức và nhà giáo Lê Ngọc Trụ cho in bộ *Việt Nam tự điển* (Sài Gòn: Khai Trí xuất bản, hai quyển). Các ông giảng: “SINH KÝ, TỬ QUY. Thành ngữ. *Sống gửi, thác về; quan niệm xem đời là cõi tạm, chỗ ở đời đời là Niết bàn hay Thiên đàng; bởi vậy, sống không mừng, thác không sợ.*” (quyển Hạ, tr. 302.)

Hòa thượng Thích Trí Minh có bài thơ thất ngôn bát cú mà hai cặp thực luận (câu 3-4 và 5-6) rất hay:

*Kẻ mãi lợi hoài trong biển nghiệp,
Người mong đi mãi giữa đường mê.
Ta bà đất khách đành chui ở,*

Cực lạc quê xưa chẳng chịu về.

Cũng vậy, trong giáo lý Cao Đài, chỗ trở về của con người được gọi bằng nhiều từ ngữ khác nhau: *quê xưa, quê cũ, cội quê, cố quận, quê xưa vị cũ, ngôi xưa vị cũ, cội vị, vị quê, v.v...*

Thế gian cõi tạm vui chơi,

Cảnh tiên vĩnh cửu, cõi trời là quê. [4]

Xác định chỗ trở về của khách trần là cố quận nơi thượng giới tức là giáo lý Cao Đài cho biết rằng con người đã từ cõi trời đi vào thế gian. Khi ra đi như vậy, mỗi người mang trong mình một điểm linh quang ẩn tàng, như lời nhắc nhở của đức Mẹ:

Hỡi tàng linh ơi! Hỡi tàng linh!

Có nhớ quê xưa chốn Ngọc đình?

Quay gót mau về nơi cội vị,

Thôi đừng dan díu kiếp phù sinh. [5]

Đường về quê xa lắt mịt mù

Trở lại với câu sinh ký tử quy. Nếu chết là về quê, mà quê là thiên đàng, niết bàn, thì con người cần chi ham sống sợ chết? Thực vậy, con đường trở về mà đúng như thế thì còn gì hơn? Thôi thì, còn sống đất khách ngày nào hãy cứ phỉ chí tung hoành, mai kia có chết đi cũng chỉ là một chuyển trở về cố hương cực lạc.

Hiểu như vậy có đúng chẳng? Có chắc rằng hễ cứ lìa đất khách là lập tức về quê không? Buồn thay! Đã đành cái lý là tử quy nhưng đâu phải cứ mặc sức tung hoành ở thế gian này, chẳng thêm biết trời cao đất dày là gì, rồi khi tắt

hơi, hồn lìa khỏi xác là lập tức ai ai cũng đương nhiên và dễ dàng trở về quê hương cực lạc!

Đức Như Ý Đạo toàn Chơn nhơn từng hỏi: “*Đường về quê cũ độ bao xa?*” [6]

Câu trả lời quả là không dễ chút nào vì lẽ đâu ai biết mình đã làm khách trần bao nhiêu kiếp rồi! Đâu ai dám chắc rằng sau bao nhiêu kiếp triền miên đó mình chưa hề cách xa quê nhà mịt mù thiên lý?

Có lần đức Như Ý Đạo toàn Chơn nhơn dạy rằng khách trần vốn là kẻ “*Say sưa lịch kiếp du hồn mộng...*” [7] Cho nên chắc chắn khách trần sẽ lạc lối, khó có khả năng định hướng trở lại quê nhà, đúng như lời đức Giáo tông Lý Thái Bạch cảnh báo:

*Người mang lấy kiếp thân tứ đại,
Chịu đón ngăn năm ải sáu đường,
Bụi hồng mờ phủ thiên lương,
Biết đâu chín cõi mười phương tìm về.* [8]

Đường về quê chồng gai ngăn lối

Đường xa khó về quê cũ là một lẽ, mà cũng còn một lẽ khác nữa. Thực vậy, cứ mỗi kiếp mang thân vào chốn trần gian là một lần thân hồn thêm mờ mịt, u mê. Tại sao vậy? Đức Vạn Hạnh Thiền sư dạy:

*... Bởi tài danh sắc khí hôn mê,
Làm cho thân khí nặng nề,
Luân hồi lạc mất đường về quê xưa.* [9]

Và mỗi lần luân hồi cũng là một lần gây tạo thêm nghiệp mới. Những nghiệp mới này cộng chung với nghiệp

cũ của bao nhiêu kiếp trước dồn lại chẳng khác gì những hành lý vốn đã nặng nề, công kênh lại càng thêm công kênh, nặng nề hơn nữa! Chúng làm oằn lưng lữ khách, làm rún chân kẻ tha hương, thì làm sao có thể cất bước trên đường xa diệu vợi?

Bởi thế, Đức Vạn Hạnh Thiền sư cho biết rằng: “*Đường về quê cũ lắm chông gai...*” [10] Và Đại tiên Lê Văn Duyệt cũng nhắc: “*Chư hiền đệ, hiền muội muốn đi cuối tận con đường trần tục này để đến quê xưa cảnh cũ đều phải vượt nhiều chông gai hiểm trở, hầm hố bao quanh.*” [11]

Đường nào trở lại quê nhà?

Trở lại với câu hỏi của đức Giáo tông Lý Thái Bạch:

*Bụi hồng mờ phủ thiên lương,
Biết đâu chín cõi mười phương tìm về.*

Muốn thoát khỏi bụi hồng che phủ, phải mau mau noi theo Đại đạo, noi theo con đường to lớn, cao cả mà trở về, như đức Thất nường Tiên nữ đã chỉ lối:

*Bụi hồng mờ mịt phủ trần gian,
Khiến kẻ nguyên nhân đã lạc đàng.
Muốn hỏi phương nao về cố quận?
Đây đường Đại đạo kíp lần sang.* [12]

Đức Mẹ cũng dạy rằng Đạo mẫu chính là chiếc la bàn giúp khách trần định hướng nẻo quay về:

*Đạo mẫu là cái phương châm,
Để con định hướng mà tâm ngời xưa.* [13]

Nói cách khác, khi đức Chí tôn mở Đạo kỳ Ba, ấy là cơ hội chót mở ra con đường cứu vớt khách trần trở về nơi mà

họ đã ra đi. Đức Quan thánh Đế quân dạy: “... vì đức háo sanh nên Trời khai Đạo hầu cứu vớt những nguyên căn được trở về quê xưa vị cũ...” [14]

Ân phước kỳ Ba

Như trên đã nói, cứ mỗi một lần chuyển kiếp làm người là một lần khách trần càng cách xa quê nhà. Càng đi xa thì càng mê muội quên hết đường về. Cho nên nếu không có kỳ Ba đại ân xá thì con người cứ mãi miết trôi theo dòng đời, trầm luân không hẹn ngày trở lại. Vì vậy Đạo ra đời chính là một cơ may cuối cùng cho con người, như lời đức Đông Phương Chưởng quản đã dạy:

*Nguyên nhân xuống thế cõi ta bà,
Chuyển kiếp càng nhiều lại quá xa.
Chẳng nhớ quê xưa hầu trở lại,
May nhờ đại xá buổi kỳ Ba.* [15]

Nhắc đến đại ân xá kỳ Ba này, đức Mẹ dạy rằng đây chính là ơn Trời mở ra một phương tiện vận tải, nhằm chở chuyên đón rước con cái của Thầy Mẹ hồi hương:

*Kỳ đại xá Thiên ân vận tải,
Để rước con trở lại vị quê.
Con ôi cảnh tục nặng nề,
Rán tu một kiếp trở về ngôi xưa.* [16]

Mặc dù cơ hội cuối cùng đã đến với con người trong kỳ Ba đại ân xá, nhưng phần đông con người vẫn không nhận thức. Thầy Mẹ và các đấng thiêng liêng vì thế luôn luôn nhắc nhở khách trần hãy tỉnh ngộ mà ý thức. Đức Như Ý Đạo toàn Chơn như dạy:

“Chư hiền đệ muội rất hữu phước nên gặp thời kỳ đức Từ bi háo sanh đại xá, chư phật tiên, thánh thần đều hạ thế mượn lần điển quang để trực tiếp với toàn linh, dẫn dắt trở về ngôi xưa vị cũ...” [17]

Nhưng trở trêu một điều, tuy lời tiên tiếng phật khuyến tu không lúc nào ngừng thôi thúc, nhưng phần đông khách trần vẫn cứ lảng lơ, hờ hững. Số người biết hồi tâm lắng nghe tiếng gọi thiêng liêng vẫn cứ là một số ít hiếm hoi nếu so với cả thế gian đang quay cuồng tranh đấu.

Chính vì thế, người nào biết giác ngộ tìm đến cửa Đạo thì đó không phải là chuyện nhỏ, mà là cả một đại sự nhân duyên, là kết quả của hạt giống lành đã gieo từ kiếp trước. Những người biết tu hân mừng vui khi nghe đức Quan Âm Bồ tát dạy:

“Chư hiền sĩ, hiền muội ôi! Bao nhiêu duyên phước mà chư hiền sĩ, hiền muội đã tạo ra ở tiền kiếp, hiện tại mới được giác ngộ trong kỳ đại ân xá.” [18]

Với lòng đại từ đại bi, dạy như vậy rồi đức Bồ tát lại e sợ người tu chủ quan mà lầm lỗi, thất bại, cho nên Ngài lập tức khuyên người tu nếu biết mình đang có duyên lành hưởng ơn phước thì hãy cố mà giữ gìn, bảo trọng, dù trong bất cứ hoàn cảnh nào cũng đừng để vuột mất những gì đang thọ hưởng. Đức Bồ tát ân cần nhắc nhở:

“Chư hiền sĩ, hiền muội ôi! Bao nhiêu duyên phước mà chư hiền sĩ, hiền muội đã tạo ra ở tiền kiếp, hiện tại mới được giác ngộ trong kỳ đại ân xá. Hãy gìn giữ lấy, hãy dặn lòng tu tiến, tỉnh ngộ. Dầu ở cương vị nào, sang hèn, khôn dại, tất cả đều còn có điểm linh chơn tánh của Thượng đế. Tuy mang áo cảm bào, lòng đừng mến tục. Dầu trong bồ vải,

chớ để cho thân tâm trầm nịch chốn mê đồ. Cuộc vinh sang Trời dành là để chừa hiền làm nấc thang tiến hóa. Khi đã có một nhân tốt ở quá khứ nếu không gìn giữ hộ nhân ấy để cây phúc được sum suê thì cơ hội ân xá này cũng khó trở về quê xưa vị cũ.” [19]

Ôn Trên dạy rằng muốn về quê hãy kíp noi theo Đại đạo. Nhưng mà khách trần sẽ đi hướng nào? Xưa kia con người từ quê mà đi ra, ngày nay muốn trở về thì đương nhiên phải quay ngược trở lại. Vì nếu cứ tiếp tục xuôi dòng thì vốn đã xa quê lại càng thêm cách xa quê nhà nhiều hơn nữa. Đó là lý do đức Đông Phương Lão tổ khuyên những ai muốn trở về quê phải biết ngược dòng:

*Hỡi ai mượn chớ lái thuyền xuôi,
E lợt trùng dương sóng dập dồi,
Và cũng cách xa từ cố quận,
Nên chi phải liệu ngược dòng khơi. [20]*

Nói như thế để thấy một khi bước chân vào đường đạo, người tu chẳng khác nào lái thuyền ngược dòng. Ngược dòng là nói về cái lý. Nhưng về cái sự thì phải làm sao để trở ngược dòng?

Ngược dòng ngay từ nhận thức

Trước tiên phải suy nghĩ, phải nhận thức mọi sự ngược lại với thế gian thường tình. Chẳng hạn cái gì người đời cho là thật, là vĩnh cửu thì người tu phải thấy nó là giả, là tạm bợ. Trở lại với câu sinh ký tử quy. Nếu thực sự hiểu rằng cuộc sống ở thế gian là sống gởi, sống tạm thì đó cũng là một nhận thức ngược dòng cần thiết để làm khởi điểm cho cuộc hành trình trở về quê cũ.

Chắc chắn sẽ có người hiểu lầm, chỉ trích, phê phán quan niệm coi cuộc sống thế gian là sống tạm. Thực ra nói đời là tạm không phải để phủ nhận giá trị cuộc đời. Nói đời là tạm để cho con người thức tỉnh đừng mê lầm ôm cái tạm thời mà cứ tưởng là trường cửu. Nói đời là tạm là Ôn Trên muốn dạy con người phải sáng suốt biết tá giả tầm chân (mượn cái giả tạm làm phương tiện cho mình đạt đến cái chân thật vững bền).

Đức Di Lạc Thiên tôn dạy: *“Cõi đời là tạm bợ, hãy nương vào đây để lập công bồi đức, chớ đừng xem đây là cõi thiệt vĩnh cửu trường tồn rồi đắm say trần lụy, quên mất căn xưa, không ngày trở lại ngôi xưa vị cũ.” [21]*

Ni sư Diệu Lộc cũng dạy:

*Tạm nương cõi tục để tu hành,
Chớ đắm hồng trần chớ lợi danh.
Cựu vị dành quên nơi vĩnh cửu,
Luân hồi đi tắt lại về quanh. [22]*

Thông thường, hễ nặng đời thì nhẹ đạo, trọng vật chất thì lơ lửng tinh thần. Ngược dòng trở về quê cũ vì vậy cũng cần biết thực hành lời đức Mẹ dạy:

*Việc đời lần bớt để lo tu,
Đủ thiếu bao nhiêu cũng mặc dù.
Nhớ lại quê xưa đừng trễ nải,
Chậm chân lỡ bước uống công phu. [23]*

Muốn có thái độ sống đủ thiếu bao nhiêu cũng mặc dù đòi hỏi con người chí thành với đức tin nơi Thượng đế:

Lòng con tin dấn Cao Đài,

Đạo đời Trời sẽ an bài cho con. [24]

Có đức tin bất thối chuyển đó, con người thiết tha về quê sẽ thanh thản giáp mặt mọi thử thách cuộc đời:

*Tinh trẻ dại tim non một trái,
Nhịp từng canh trở lại hồi quê.
Cam lòng với cảnh thuyền xê,
Có Thầy con trẻ ử ê chi mà.* [25]

Trở lại với vấn đề việc đời là giả. Xác định như vậy không có nghĩa là làm cho con người trở thành yếm thế, mà chính là để soi sáng cho con người tỉnh thức biết làm chủ cuộc sống, không để cho những cái giả cứ chỉ huy, điều khiển kiếp sống quý báu của mình. Lời dạy của đức Giáo tông Vô vi Lý Thái Bạch về điều này rất rõ ràng:

“Chư hiền đệ ôi! Trên đường học đạo tu thân, kết quả cuối cùng của mỗi người là giải thoát tất cả những cái tạm bợ để còn tồn tại cái chân, đó là khối tâm linh phản bổn hườn nguyên, quy hồi cựu vị.

“Nói như thế không phải Thượng đế bảo con người tách rời những thực tại của con người. Đã là con người, sinh trưởng nơi cõi này thì phải mượn tất cả những gì nơi cõi này để phục vụ cho cõi này, nhưng trong chiều hướng nghĩa nhân đạo đức và tình thương. Đừng xem tất cả những gì nơi cõi này là thiệt, là vĩnh cửu, rồi lo xây dựng nó cho riêng tư, cho ích kỷ, đến nỗi phải tổn nhân thất đức và trái đạo lý.” [26]

Lời dạy của đức Giáo tông rất hệ trọng. Hệ trọng chính ở chỗ Ngài cảnh tỉnh: “Đừng xem tất cả những gì nơi cõi

này là thiệt, là vĩnh cửu, rồi lo xây dựng nó cho riêng tư, cho ích kỷ, đến nỗi phải tổn nhân thất đức và trái đạo lý.”

Những cạm bẫy ngầm

Theo lẽ thường ở đời, danh lợi cao sang, tiền tài thế lực luôn luôn là mơ ước của rất đông người. Người đời cứ mãi lao tâm khổ trí để mong đạt được các thứ ấy càng sớm và càng nhiều trong kiếp sống. Và trở trêu một nỗi, các nguyên căn khi từ thượng giới xuống trần, do phúc duyên tiền kiếp nên cuộc sống ở thế gian thường rất cao sang, quyền thế. Rồi cũng chính những vật chất lợi danh ấy lại xui khiến nguyên căn tạo tác nghiệp xấu khiến cho nhiều kiếp đọa trần, không thể quay trở về quê xưa vị cũ nơi cõi thiên đàng cực lạc.

Vậy thì cái mà đời thường cho là vinh dự, là mở mày mở mặt với thiên hạ thực chất cũng có thể là mầm mống oan trái, là cạm bẫy ngầm ngăn đường bén lối đường về cõi thượng của nguyên căn, khiến cho nguyên căn không hoàn thành lời nguyện ước thiêng liêng với Trời khi chia tay Thượng đế để đi vào cõi tục.

Trong kỳ Ba đại ân xá này có một ân phúc hy hữu thế gian, đó là các vị nguyên căn sau khi phục hồi cựu vị đã được linh của Ngọc đế giáng đàn thổ lộ cho người trần những kinh nghiệm của chính các ngài khi còn sống, với mục đích giúp khách trần lấy đó làm bài học kinh nghiệm quý giá. Đức Bảo pháp Chơn quân Huỳnh Chơn là một trường hợp như thế. Sau khi đã trở về quê cũ rồi, ngay trong lần đầu tiên thăm lại trần gian, Ngài tâm sự rằng:

*Ngoài phương tiện lợi danh đầy đủ,
Trong gia đình hào phú kiêu sa.*

*Với đời mở mắt người ta,
Với mình xét lại đó là trái oan.
Buộc Chơn tiên vào hàng tục tử,
Nặng nghĩa ơn khó giữ lời nguyên...* [27]

Nói như vậy không có nghĩa là coi rẻ phương tiện vật chất. Nói như vậy là để xác định rằng những phương tiện mà con người có được ở trần gian chính là con dao hai lưỡi. Biết dùng thì nó là dao bén phạt gai góc dọn đường bằng phẳng cho khách trần về quê suôn sẻ. Không biết dùng thì nó làm hại kẻ xa quê, ngăn đường bít lối về cố quận.

Đức An Hòa Thánh nữ dạy: “*Vật chất hữu thể là của chúng sanh hiện hữu trong cõi đời. Nếu biết dùng nó đúng chỗ đúng lúc trong khuôn viên mẫu mực đạo đức thì những vật chất ấy là những viên ngọc kim cương xây đền đài dinh thự ở cõi thiêng liêng cho nguyên căn cứu vị. Nếu dùng vật chất ấy không đúng chỗ đúng lúc trong khuôn viên đạo đức thì ngược lại những của cải ấy sẽ là những khối lửa hồng tam muội đem xây hỏa lò địa ngục.*” [28]

Điều kiện để về được quê cũ

Nhớ lại với lời cảnh báo của đức Vạn Hạnh Thiền sư: “*Đường về quê cũ lắm chông gai...*” Đường trở về gian khó là điều dễ hiểu. Thực vậy, ở thế gian, một du khách sau khi xuất ngoại muốn trở về quê hương bản quán, ít nhất phải có tiền mua vé máy bay, phải làm thủ tục xuất nhập cảnh, phải có đủ sức khỏe để ngồi tàu xe, v.v... Nói cách khác, du khách ấy muốn trở về quê cũ phải có một số điều kiện.

Tương tự, khách trần bỏ xác lìa đời muốn về cố quận cũng phải có điều kiện bắt buộc. Nhưng là điều kiện gì? Đó là những công trạng mà khách trần đã lập được ở cõi

người, vì khi già từ cõi trời để vào trần gian, mỗi nguyên căn đều có một sứ mạng thiêng liêng phải hoàn thành.

Theo giáo lý Cao Đài, con người vốn là nguyên căn nơi Thượng giới trước khi xuống thế làm người. Cuộc chia tay xa xưa ấy có lẽ đã bắt đầu vào một mùa thu, như lời nhắc nhở của đức Mẹ:

*Thì cũng nhớ mùa thu năm ấy,
Mẹ dặn dò con hãy ghi lòng,
Vào đời độ chúng lập công,
Rồi quay trở lại hiệp cùng Mẹ con.* [29]

Nếu không biết tu, nguyên căn vừa mất cứu vị quê xưa vừa không giữ tròn lời nguyên ước:

*Lo tu trở bước lộn về,
Để không lỗi hẹn lời thề năm xưa.* [30]

Cho nên khi xác định đời là cõi tạm, sống là sống gởi, thì giáo lý Cao Đài vẫn không bi quan, yếm thế. Trái lại, nói như thế nhằm soi sáng cho con người biết phân biệt để sống đúng nghĩa kiếp người. Điều này thể hiện qua lời dạy của đức Mẹ:

“Các con yêu dấu ôi! Trong cõi tạm biết bao điều quyền rũ hấp dẫn các con vào bến mê đồ giả cảnh. Các con phải luôn luôn tâm niệm rằng nơi chốn hư linh mới thiệt là quê xưa vị cũ của các con trong trường tồn vĩnh cửu. Còn nơi cõi trần tạm bợ đây là nơi để các con tạm sống để tu công lập hạnh, tô bồi âm chất để làm nấc thang tiến hóa cho linh hồn. Các con còn mang nhục thể thì phải nương vào cái giả đó để tạo cái chơn. Đừng quá lo đăm say theo cái hữu thể đó mà làm mờ lấp chơn linh rồi lạc lối trở lại nguồn xưa. Các

con phải làm tất cả bốn phận các con trong kiếp đời hiện tại trong vòng đạo lý. Đó là lối thoát duy nhất của các con. Mà các con cũng đừng quá cực đoan mê tín tìm kiếm những xa xôi ảo ảnh mà xa lánh bốn phận trong kiếp đời nhơn sanh hiện tại của các con.” [31]

Khi lìa đời mà không hội đủ những điều kiện như đức Mẹ dạy, thì khách trần không được về quê đã đành mà coi chừng có khi lại không còn được quyền lưu trú đất khách! Viễn cảnh này quả thật đáng sợ! Thật vậy, thử hỏi: Nếu không được về quê mà cũng không còn được lưu trú đất khách, bấy giờ khách trần sẽ phải phiêu bạt nơi đâu?

Đây là câu trả lời của đức Cao Triều Trực: *“Nếu ở thế gian tâm hồn chẳng được thanh cao, công quả không được tròn mót, đạo lý không được hiểu thông, cơ siêu thoát không đạt được, rồi làm sao đi về chỗ xuất phát ra đi? Vì mỗi chơn hồn xuống thế gian đều do một khối Đại linh quang xuất phát, phân công đến thế gian để lập đời, dạy bảo, vỗ về, điều dắt những linh hồn còn chậm tiến hóa, xây tạo cõi dinh hoàn thuần lương trong vũ trụ. Đó là vốn liếng, sự nghiệp, tài sản của cõi vô hình. Linh hồn lấy đó làm phương tiện để trở về hiệp nhất cùng khối Đại linh quang. Nếu không được vậy, không có những điều kiện đó, ắt là phải rơi vào bánh xe luân, luân chuyển xuống lên, đọa trầm đờ đờ kiếp kiếp trong chỗ âm u sát khí, mà thế thường gọi là địa ngục.” [32]*

Muốn trở về quê, phải dày công đức

Đức Như ý Đạo toàn Chơn nhơn dạy: *“Giờ nay Lão giáng đàn có đôi lời cùng chư thiên ân lương phái trên đường lập công bồi đức. (...) Nếu đường tu hành mà chư hiền thiên mạng không đủ công đức thì làm sao được trở về ngôi xưa vị cũ.” [33]*

Công đức chỉ có được khi người ta biết làm điều lợi ích cho xã hội. Do đó khách trần phải lo làm công quả như lời dạy của đức Như Ý Đạo toàn Chơn nhơn:

Quả công tu chỉnh đêm ngày,

Cho tròn sau trước hầu quày ngôi xưa. [34]

Đức Mẹ dạy:

Muốn về quê cũ vị ngôi,

Phải dày công quả tô bồi buổi nay. [35]

Đức Đông Phương Chưởng quản dạy:

Nguyên căn nhớ kiếp sớm quay về,

Chớ dấm hồng trần lụy bến mê.

Nương thế để làm công quả đạo,

Vẹn tròn sứ mạng sẽ hồi quê. [36]

Nhưng công quả cũng chưa đủ. Đức Lê Đại tiên dạy: *“Hỡi chư hiền đệ, hiền muội! Đời còn lắm cuộc đổi thay, Đạo còn nhiều khảo thí. Chư hiền đệ, hiền muội muốn đi cuối tận con đường trần tục này để đến quê xưa cảnh cũ đều phải vượt nhiều chông gai hiểm trở, hầm hố bao quanh. Như vậy chư hiền đệ, hiền muội cần phải có một pháp thân vững chắc, một gương thân huệ sắc bén để róc bỏ những gai góc đang vây chặt quanh mình, làm cho mình khó trở tay trở gót.” [37]*

Muốn có một pháp thân vững chắc, và một gương thân huệ sắc bén khách trần phải có công phu. Cho nên đức Ngô Minh Chiêu dạy: *“Muốn được một kiếp trở lại quê xưa, phải song tu mới được. Thiệt là khó khăn vô cùng, nhưng không phải khó mà không thể làm được.” [38]*

Và đạo pháp do đức Đông Phương Lão tổ chỉ dạy, là con thuyền cứu độ chở nguyên nhân trở về quê cũ:

*Nguyên nhân lạc bước tự lâu rồi,
Muốn trở quê xưa, muốn phục hồi,
Nương chiếc thuyền từ Ta sẵn rước,
Đưa người trần thế đến cung Trời. [39]*

Nhận diện một số chướng ngại trên đường trở về

Trước hết là tâm lý. Trên đường trở về quê, khách trần đừng để mặc cảm trở thành chướng ngại ngăn trở. Mặc cảm này gồm có hai thứ: tự ti và tự tôn. Đức Mẹ dạy:

“Các con đừng mặc cảm, đừng thấy con nghèo con dốt mà không làm được việc đạo, đắc được lý đạo, rồi đâm ra hờ hững buông trôi. Cũng đừng nghĩ rằng con giàu sang, con thông thái mà làm nên việc đạo, ngộ được lý đạo, rồi hờ hênh tự mãn, rồi cuộc các con không hiểu, không làm được chi cả, trái lại rất thương hại vô cùng!

“Kìa những Huệ Năng, những Giê xu, những Thị Kính, nếu đã tự ti mặc cảm, thiếu đức tinh tấn giác ngộ thì nhân loại có cần biết chi tới những hạng tiểu phu, những hàng dân giả xa xưa ấy. Và những Thích Ca, những Lão tử, những Diệu Thiện, nếu đã tự tôn tự đắc, không tầm tu học đạo, hạ mình luôn luôn, thì nhân loại có cần biết chi tới những ông quan, những vị hoàng tử xa xưa ấy.

“Hiểu được như vậy, các con mới giải thoát được những mặc cảm ngăn chặn đường tiến hóa về ngôi xưa vị cũ của mình ngõ hầu tận dụng đức hy sinh độ đời tế chúng.” [40]

Chướng ngại ngăn đường về quê cũ bao giờ cũng muôn vẻ muôn hình. Khách trần phải biết tỉnh táo phân biệt:

*Đường về quê cũ lắm chông gai,
Tinh tiến biện phân ở hồi ai!
Bầy rập đang chờ người nản chí,
Tâm linh sáng suốt mới là hay. [41]*

Nếu không biện phân chân và giả, hư và thực, khách trần sẽ kéo dài cuộc đời luân lạc:

*Mãi bảo vệ tấn tuồng giả dối,
Từ giả này liên tục những cái giả kia.
Tham sân si tạo mãi, quê cũ khó mong về,
Hỉ lạc ái ố cứ quẩn quanh, chốn sông mê đành lặn hụp. [42]*

Đặc biệt, một khi đã phát tâm tu, lại phải luôn luôn tỉnh táo, hết sức đề dặt cẩn thận trước một chướng ngại thuộc về vọng niệm vọng cầu. Trong đời thường, vốn đã có câu: *Quân tử chi giao đạm như ngọc thủy. Tiểu nhân chi giao đậm như mật.* [43] (Tình giao du của người quân tử lạt lẽo như nước lã. Tình giao du của tiểu nhân ngọt ngào như đường mật.) Câu này cũng rất đúng trong đạo pháp, bởi lẽ chánh pháp bao giờ cũng vô vi, im ỉn, lạt lẽo, tuy có mà như không. Trái lại bàng môn tả đạo thì mị người bằng cách phô trương giả tướng, huyễn hoặc đời bằng những cái gọi là “thần thông quảng đại” nhãn tiền! Không kiên định với tôn chỉ, lập trường chánh đạo, không cứng lòng trước sự cám dỗ của quỷ thuật “ly kỳ”, thì sẽ dễ sa vào tả đạo bàng môn. Đức Mẹ cảnh báo:

*Con chớ có hoài mong bùa phép,
Để quỷ ma nài ép lạc đường,
Rời ra vạn nẻo muôn phương,
Không ngày trở lại con đường quê xưa. [44]*

Chướng ngại quả thật thiên hình vạn trạng! Ôn Trên hay nhắc nhở rằng đường về quê cũ có nhiều chướng ngại, thì điều đó không phải để khách trần ngã lòng, mà chính là để kẻ hồi hương ý thức, cảnh giác vượt qua:

*Tháng ngày bền chí với bền công,
Khảo thí gian lao chớ nản lòng.
Việc khó cố làm nên giá bửu,
Kiếp người sứ mạng phải cho xong.
Cho xong mới trở lại ngôi xưa,
Trần cấu dọn lòng chớ thích ưa.
Nghiệp quả rán lo mau trả hết,
Tập lần thanh nhã muối cùng dưa. [45]*

Cũng tương tự như thế, khi Ôn Trên nhắc nhở rằng đường về quê xưa vị cũ hội hiệp với Thầy là con đường xa vắng, thì khách trần đừng nản chí chồn chân, trái lại phải luôn bền chí, kiên nhẫn vượt qua từng bước. Đức Giáo tông Đại đạo Thái Bạch Kim tinh dạy: “*Đã nói rằng con đường đạo về đến Thượng đế là diệu viển, là khôn cùng, nhưng không nên vì vậy mà chán nản với sự hữu hạn của mình. Cứ bước đi cho tròn mỗi bước, dù không thấy kết quả bây giờ, nhưng chính những cái bước đầy kiên nhẫn trọn vẹn ấy là tiềm năng đưa đến kết quả vậy.*” [46]

Trên con đường thiên lý hồi hương nhiều gian khó, khách trần không thể làm kẻ lữ hành cô độc. Ăn cơm có canh, tu hành có bạn. Do đó, khách trần phải hợp quần, nương núp nhau, kết đoàn chung sức, như lời đức Di Lặc Thiên tôn khuyến dạy:

Mở đạo tràng cơ Trời vận chuyển,

*Độ nhơn sanh toàn diện giác mê,
Xa nơi tục lụy mọi bề,
Cùng chung xây đắp đường về quê xưa. [47]*

Sáng trăng sáng cả đường về

Trong gần tám mươi năm³ lịch sử Cao Đài, đã có muôn lời vạn tiếng của Thầy Mẹ và các đấng Thiêng liêng ân cần nhắc nhở con người nhớ tới thân phận khách trần, nhớ về cố quận. Nếu không có đại ân xá với Cao Đài xuất thế thì làm sao khách trần thọ hưởng được duyên phước hy hữu bước theo con đường phục hồi cựu vị? Cao Đài xuất thế cũng chính là cơ hội cuối cùng của tất cả khách trần trong kỳ Ba đại ân xá như lời nhắc nhở của đức Đông Phương Chưởng quản: “*Nên cố gắng cho đạt đạo giữa thời tận độ này. Nếu không đạt đạo thì đến thất ức niên mới có cơ hội trở về quê cũ.*” [48]

Trước tiếng gọi thiêng liêng của Thầy Mẹ, đã có những lữ khách biết quày chân trở gót quay về nhưng cũng còn rất nhiều khách trần vẫn cứ mãi ơ thờ trước lời tiên tiếng phật.

Xin cầu nguyện những ai đã biết quay về sẽ luôn vững vàng, chân cứng đá mềm trên đường trở lại ngôi xưa vị cũ. Tấm lòng của họ xin cứ mãi là vầng trăng thu vàng vạc dẫn lối cựu quê.

Và cũng xin cầu nguyện những khách trần chưa biết quay về sẽ được vầng trăng thu này soi sáng để họ sớm biết mở lòng đón nhận tiếng gọi tha thiết từ chốn cố hương:

Dèn lòng đừng để mờ lu,

³ Tính đến năm 2002.

*Đạo tâm đừng để bên xu nhiệm trần.
Bao giờ tan áng huyền vân,
Trời trong mưa tạnh lộ vàng trăng thanh,
Tình trăng muôn thuở trong lành,
Như tình Từ mẫu tài thành thuận nhu.
Thương thân con rón lo tu. [49]*

Lê Anh Dũng (07.9.2002)

(Vì số trang có giới hạn, xin coi chú thích trên website)

NGÀY TANG CHẾ

Tháng tư mây giăng kín trời thương nhớ
Hồn viễn phương tràn ngập nỗi đau buồn
Biết bao năm, phượng đã tàn mấy độ
Cuộc tao hùng mớ mịt giữa mù sương!
Tháng tư áo trắng thành viên khăn trắng
Trắng mái đầu tang chế nửa chùng xuân
Thương thiếu phụ phút giây thành góa phụ
Bước phong trần khập khểnh cõi phù vân!
Đã lâu lắm, giờ này còn khiếp hãi
Khấp quê nhà tang khó lệ đời rơi
Những bé thơ ốm còi vì không sữa
Niềm đau thương uất hận chẳng nên lời!
Một tháng tư tuy qua mùa chinh chiến
Chẳng bình an... lửa đỏ ngút tàn hung
Cả thảo nguyên khô cằn không có nước
Lúa ngô khoai tàn rụi giữa nương đồng.

Lắm trại giam hiện hình nơi phố thị
Cõi lưu đày thăm thẳm chốn rừng sâu
Tiếng thở dài vắng ra từ lao lý
Vợ tìm chồng thờ thần biết nơi đâu!
Vạn niềm đau, lâu rồi chưa nguôi được
Khấp quê nhà còn rõ dấu tang thương
Phố phường xưa nghênh ngang người xa lạ
Nhưng lương dân héo hắt cả can trường!
Ba mươi tháng tư là ngày tang chế
Hãy gìn lòng tạc dạ... cõi lưu vong
Chớ hám danh chạy theo lời cám dỗ
Để nghìn đời hổ thẹn với non sông!

Hàn Thiên Lương

Di Chúc của Vua Trần Nhân Tông

“Các người chớ quên, chính nước lớn mới làm những điều bậy bạ, trái đạo. Vì rằng họ cho mình cái quyền nói một đường làm một nẻo. Cho nên cái họa lâu đời của ta là họa Trung Hoa. Chớ coi thường chuyện vụn vặt xảy ra trên biên ải. Các việc trên, khiến ta nghĩ tới chuyện khác lớn hơn. Tức là họ không tôn trọng biên giới quy ước. Cứ luôn luôn đặt ra những cái cớ để tranh chấp. Không thôn tính được ta, thì gặm nhấm ta. Họ gặm nhấm đất đai của ta, lâu dần họ sẽ biến giang san của ta từ cái tổ đại bàng thành cái tổ chim chích.

Vậy nên các người phải nhớ lời ta dặn: **“Một tấc đất của tiền nhân để lại, cũng không được để lọt vào tay kẻ khác.”**

Ta cũng để lời nhắn nhủ đó như một lời di chúc cho muôn đời con cháu.”



Giới thiệu

QUỸ PHƯỚC THIÊN

Đức Mẹ Vô Cực Từ Tôn dạy
trong đàn cơ ngày 18-9-1967 tại thánh
thất Bình Hòa, Gia Định:

*“Con ôi! Vô Cực Từ Tôn không ngự trên đài cao hoang
vắng tình thương, mặc dầu có đầy đủ vẻ vàng son rực rỡ. Ở
đâu có ấu nhi đau khổ là có Mẹ, ở đâu có liễu bồ bất hạnh là
có Mẹ. Nếu các con làm được những việc đó là Mẹ đã ngự
trong tâm hằng cứu rỗi đó con.”*

Quỹ Phước Thiên được thành lập nhằm mục đích xoa
dịu phần nào những bất hạnh, đau khổ của các thương phế
bình QLVNCH, các em thiếu nhi bệnh tật, mồ côi, và các
người già yếu tàn tật.

Các hoạt động của Quỹ Phước Thiên sẽ được đăng trên
web site để các ân nhân tiện việc theo dõi.

www.phuocthien.net

* * * * *

Thư từ, bài vở, yểm trợ tài chánh xin gửi về:

THIÊN LÝ BỬU TÒA
12695 Sycamore Ave
San Martin, CA 95046. USA
Tel: (408) 683-0674

(Chi phiếu xin đề: **Thiên Lý Bửu Tòa**)

Nếu muốn thỉnh tập san này, xin liên lạc:

THIÊN LÝ BỬU TÒA
12695 Sycamore Ave.
San Martin, CA 95046 USA
Tel.: (408) 683-0674
E-mail: xin coi trên web site.

Các bài giáo lý đăng trong tập san này và rất nhiều kinh
sách, thánh ngôn, thánh giáo khác được lưu giữ trên trang
nhà (web site) của Thiên Lý Bửu Tòa ở địa chỉ:

www.thienlybuutoa.org

THIÊN LÝ BỬU TÒA
12695 Sycamore Ave.
San Martin, CA 95046 – USA
www.thienlybuutoa.org
www.phuocthien.net

Non Profit Org
U.S. Postage
PAID
San Jose, CA
Permit No. 3189

TO: